

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;
2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 07-8-2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Vân L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Vân L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Đức T tìm hiểu, yêu

thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào ngày 30-3-2017. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính cách khác nhau, quan điểm sống khác nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị. Chị không thể chung sống với anh T được nữa, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Phúc G, sinh ngày 16-02-2018, hiện con đang sống với anh T. Chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 12-9-2019, anh Nguyễn Đức T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn gia đình, con chung, tài sản chung và nợ chung anh đồng ý như chị L trình bày. Hiện tại anh không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, để con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ.

Hiện nay, con chung đang ở với ông bà nội tại số A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, ông bà nội có đầy đủ mọi thứ từ vật chất đến tinh thần cùng anh nuôi con. Anh làm nghề lái xe, thu nhập mỗi tháng từ 12.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Vân L và anh Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào ngày 30-3-2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh T trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau, thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Chị L và anh T có con chung là cháu Nguyễn Phúc G, sinh ngày 16-02-2018. Chị L có yêu cầu nuôi con và có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, anh T không đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên cháu G hiện nay chưa đủ 36 tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T trình bày thu nhập mỗi tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nên buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.700.000 đồng từ tháng 11- 2019 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu tối thiểu của cháu G, theo quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị L và anh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Vân L được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Giao cháu Nguyễn Phúc G, sinh ngày 16-02-2018 cho chị Nguyễn Thị Vân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) từ tháng 11-2019 đến khi cháu Nguyễn Phúc G đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chị Nguyễn Thị Vân L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001466 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh